

*Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2011***THÔNG TƯ****Ban hành danh mục bệnh truyền nhiễm, phạm vi và đối tượng phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc.**

Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm số 03/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 188/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Bộ Y tế ban hành danh mục bệnh truyền nhiễm, phạm vi và đối tượng phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc như sau:

Điều 1. Danh mục bệnh truyền nhiễm, phạm vi và đối tượng phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc đối với người có nguy cơ mắc bệnh truyền nhiễm tại vùng có dịch hoặc đến vùng có dịch

1. Danh mục bệnh truyền nhiễm và vắc xin, sinh phẩm y tế phải sử dụng bắt buộc:

TT	Tên bệnh truyền nhiễm	Vắc xin, sinh phẩm y tế sử dụng
1	Bệnh bạch hầu	Vắc xin bạch hầu đơn giá hoặc vắc xin phối hợp có chứa thành phần bạch hầu Huyết thanh kháng bạch hầu (SAD)
2	Bệnh bại liệt	Vắc xin bại liệt đa giá hoặc vắc xin phối hợp có chứa thành phần bại liệt
3	Bệnh cúm	Vắc xin cúm (vắc xin cúm mùa, cúm đại dịch) Huyết thanh kháng cúm (Gammaglobulin đa giá), Interferon
4	Bệnh dại	Vắc xin dại, huyết thanh kháng dại (SAR)
5	Bệnh ho gà	Vắc xin ho gà đơn giá, hoặc vắc xin phối hợp có chứa thành phần ho gà Huyết thanh kháng ho gà (Gammaglobulin)
6	Bệnh lao	Vắc xin phòng lao (BCG)
7	Bệnh quai bị	Vắc xin phòng quai bị đơn giá hoặc vắc xin phối hợp có chứa thành phần quai bị
8	Bệnh Rubella	Vắc xin Rubella đơn giá hoặc vắc xin

TT	Tên bệnh truyền nhiễm	Vắc xin, sinh phẩm y tế sử dụng
		phối hợp có chứa thành phần Rubella
9	Bệnh sởi	Vắc xin sởi đơn giá hoặc vắc xin phối hợp có chứa thành phần sởi Huyết thanh kháng sởi (Gammaglobulin đa giá)
10	Bệnh sốt vàng	Vắc xin sốt vàng
11	Bệnh tả	Vắc xin tả
12	Bệnh thương hàn	Vắc xin thương hàn
13	Bệnh thủy đậu	Vắc xin thủy đậu
14	Bệnh tiêu chảy do Rotavirus	Vắc xin Rotavirus
15	Bệnh uốn ván	Vắc xin uốn ván đơn giá hoặc vắc xin phối hợp có chứa thành phần uốn ván Huyết thanh kháng uốn ván (SAT)
16	Bệnh viêm gan vi rút A	Vắc xin viêm gan A đơn giá hoặc vắc xin phối hợp có chứa thành phần viêm gan A
17	Bệnh viêm gan vi rút B	Vắc xin viêm gan B đơn giá hoặc vắc xin phối hợp có chứa thành phần viêm gan B, Huyết thanh kháng viêm gan B (HEPABIG), Interferon
18	Bệnh viêm màng não do não mô cầu	Vắc xin viêm não mô cầu
19	Bệnh viêm màng não, viêm phổi do phế cầu	Vắc xin phế cầu
20	Bệnh Viêm não Nhật Bản	Vắc xin viêm não Nhật Bản
21	Bệnh Viêm phổi, viêm màng não do Hemophilus influenza typ B	Vắc xin H.influenza typ B đơn giá (Hib) hoặc vắc xin phối hợp có chứa thành phần Hib

2. Phạm vi và đối tượng sử dụng:

a) Việc sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế trong danh mục nêu trên theo Quyết định công bố dịch của cơ quan có thẩm quyền. Riêng đối với bệnh sốt vàng, đối tượng sử dụng vắc xin là những người đến từ nơi có dịch sốt vàng theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới.

b) Đối với những người đã tiêm vắc xin, sinh phẩm y tế đang trong thời hạn có miễn dịch thì không bắt buộc phải tiêm chủng. Thời gian tiêm chủng căn cứ vào giấy chứng nhận tiêm chủng do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp.

Điều 2. Danh mục bệnh truyền nhiễm, đối tượng, lịch sử dụng vắc xin bắt buộc trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng

TT	Các bệnh truyền nhiễm có vắc xin tại Việt Nam	Vắc xin, đối tượng lịch tiêm chủng thuộc Chương trình Tiêm chủng mở rộng		
		Vắc xin sử dụng	Đối tượng sử dụng	Lịch tiêm/uống
1	Bệnh lao	Vắc xin phòng lao (BCG)	Trẻ em dưới 1 tuổi	1 lần cho trẻ trong vòng 01 tháng sau khi sinh
2	Bệnh bại liệt	Vắc xin bại liệt uống	Trẻ em dưới 1 tuổi	Lần 1: khi trẻ 2 tháng tuổi Lần 2: khi trẻ 3 tháng tuổi Lần 3: khi trẻ 4 tháng tuổi
			Trẻ <5 tuổi	2 lần, cách nhau một tháng (uống trong chiến dịch bổ sung)
3	Bệnh bạch hầu	Vắc xin bạch hầu- ho gà- uốn ván	Trẻ em dưới 1 tuổi	Lần 1: khi trẻ 2 tháng tuổi Lần 2: khi trẻ 3 tháng tuổi Lần 3: khi trẻ 4 tháng tuổi
			Trẻ em 18 tháng tuổi	Nhắc lại
4	Bệnh ho gà	Vắc xin bạch hầu- ho gà- uốn ván	Trẻ em dưới 1 tuổi	Lần 1: khi trẻ 2 tháng tuổi Lần 2: khi trẻ 3 tháng tuổi Lần 3: khi trẻ 4 tháng tuổi
			Trẻ em 18 tháng tuổi	Nhắc lại
5	Bệnh uốn ván	Vắc xin bạch hầu- ho gà- uốn ván	Trẻ em dưới 1 tuổi	Lần 1: khi trẻ 2 tháng tuổi Lần 2: khi trẻ 3 tháng tuổi Lần 3: khi trẻ 4 tháng tuổi
			Trẻ em 18 tháng tuổi	Nhắc lại
		Vắc xin uốn ván	Phụ nữ có thai và phụ nữ độ tuổi sinh đẻ (15-35 tuổi)	Lần 1: tiêm sớm khi có thai lần đầu hoặc trong tuổi sinh đẻ tại vùng nguy cơ cao Lần 2: ít nhất 1 tháng sau mũi 1 Lần 3: ít nhất 6 tháng sau mũi 2 hoặc kỳ có thai lần sau Lần 4: ít nhất 1 năm sau lần 3 hoặc kỳ có thai lần sau Lần 5: ít nhất 1 năm sau mũi 4 hoặc kỳ có thai lần sau.
6	Bệnh sởi	Vắc xin sởi	Trẻ em từ 9-18 tháng tuổi	Lần 1: khi trẻ 9 tháng tuổi. Lần 2: khi trẻ 18 tháng tuổi
			Trẻ 1- 5 tuổi	01 lần (tiêm trong chiến dịch bổ sung)

TT	Các bệnh truyền nhiễm có vắc xin tại Việt Nam	Vắc xin, đối tượng lịch tiêm chủng thuộc Chương trình Tiêm chủng mở rộng		
		Vắc xin sử dụng	Đối tượng sử dụng	Lịch tiêm/uống
7	Bệnh viêm gan vi rút B	Vắc xin viêm gan B	Trẻ em <1 tuổi	Lần 1: trong vòng 24 giờ sau khi sinh. Lần 2: khi trẻ 2 tháng tuổi Lần 3: khi trẻ 3 tháng tuổi Lần 4: khi trẻ 4 tháng tuổi
8	Bệnh do Hemophilus influenza typ B	Vắc xin Hib	Trẻ em < 1 tuổi	Lần 1: khi trẻ 2 tháng tuổi Lần 2: khi trẻ 3 tháng tuổi Lần 3: khi trẻ 4 tháng tuổi
9	Bệnh Viêm não Nhật Bản	Vắc xin viêm não Nhật Bản	Trẻ em từ 1 đến 5 tuổi tại vùng lưu hành	Lần 1: khi trẻ 1 tuổi Lần 2: sau mũi 1 từ 1-2 tuần. Lần 3: 1 năm sau mũi 2.
10	Bệnh tả	Vắc xin tả	Trẻ em từ 2 đến 5 tuổi tại vùng có dịch/vùng lưu hành nặng	Lần 1: cho trẻ 2 tuổi-5 tuổi Lần 2: cách lần 1 từ 1-2 tuần
11	Bệnh thương hàn	Vắc xin thương hàn	Trẻ em từ 2 đến 10 tuổi tại vùng có dịch/vùng lưu hành nặng	1 lần cho trẻ 2 tuổi – 10 tuổi

Nếu chưa tiêm chủng đúng lịch thì tiêm chủng càng sớm càng tốt sau đó.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

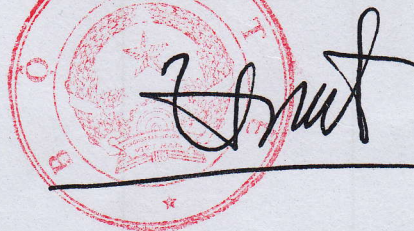
Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2011.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Y tế (Cục Y tế dự phòng) để xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Vụ KGVX, Công báo, Công TTĐT);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thủ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Các Vụ, Cục, Tổng Cục, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ;
- Sở Y tế, trung tâm YTDP các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Y tế các ngành;
- Cổng thông tin điện tử BYT;
- Lưu: VT, DP, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trịnh Quân Huân